

Bản án số: 157/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Xuân Quyết

Ông Đào Tuấn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3523/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Nguyễn Bích Tr; ĐKKHKT: 129F/16B Bến Vân Đ, phường 6, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Số 55, đường Đất Đ, tổ Trường Ch 2, phường Quán T, quận Kiến A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng B; ĐKKHKT: Số 55, đường Đất Đỏ, tổ Trường Ch 2, phường Quán Tr, quận Kiến A, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Australia; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Nguyễn Bích Tr trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quán Trữ, quận Kiến An thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 8 năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do anh Nguyễn Trọng B phải sang Australia để làm ăn nên khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, khoảng cách địa lý xa xôi nên vợ chồng càng không tìm được sự cảm thông, chia sẻ. Mặc dù anh Nguyễn Trọng B vẫn thỉnh thoảng đi về giữa Australia và Việt Nam nhưng những mâu thuẫn của vợ chồng vẫn không hòa giải, hàn gắn được. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trọng B.

Về nuôi con và tài sản chung: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu gửi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh Nguyễn Trọng B trình bày:

Anh thống nhất với chị Phạm Nguyễn Bích Tr về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũng như nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị Phạm Nguyễn Bích Tr có đơn xin ly hôn anh cũng hoàn toàn nhất trí và anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Nguyễn Bích Tr.

Do anh Nguyễn Trọng B hiện đang ở nước ngoài anh không yêu cầu Tòa án hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B đều vắng mặt và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 03 tháng 8 năm 2015, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Phạm Nguyễn Bích Tr có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh Nguyễn Trọng B, đây là tranh chấp về việc ly hôn. Vụ án có đương sự là anh Nguyễn Trọng B hiện đang sinh sống, lao động, ở nước ngoài. Nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr đã nhận tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Trọng B đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho người nhà nhận toàn bộ văn bản tổng đạt của Tòa án thay anh. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B có mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, lối sống. Anh Nguyễn Trọng B sang Australia để làm ăn nên do khoảng cách địa lý khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã không hòa giải, hàn gắn được. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Nguyễn

Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B đã thực sự không còn yêu thương nhau, vợ chồng không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Phạm Nguyễn Bích Tr, cho ly hôn giữa chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B.

[4] Về nuôi con, chia tài sản chung: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Nguyễn Bích Tr.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B.

2. Về nuôi con, chia tài sản chung:

Chị Phạm Nguyễn Bích Tr và anh Nguyễn Trọng B không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí:

Chị Phạm Nguyễn Bích Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001979 ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Phạm Nguyễn Bích Tr đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Phạm Nguyễn Bích Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Trọng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Quán Trữ, quận Kiến An TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

